TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2019/HS-ST
Ngày: 24 – 6 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Chung Kim Sang**

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Hoài Thương** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2019/TLST- HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1982; tại: huyện M, tỉnh Hậu Giang.

Nơi đăng ký HKTT: Ấp 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hậu Giang. (Hiện nay là Khu vực 2, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang).

Chỗ ở: Số 18/6 đường Đ, khu phố 1, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tâm H (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; Chung sống như vợ chồng với Tạ Hiếu T và có 01 người con (sinh năm 2008).

Tiền sự: không

Tiền án: không

Bị cáo được tại ngoại; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: **Cao Thị N**, sinh năm 1954 *(có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: D8- 15 đường I, khu phố 4, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Người làm chứng: **Tạ Hiếu T**, sinh năm 1958 *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 18/6 đường Đ, khu phố 1, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/01/2019, bà Cao Thị N- sinh năm 1954, trú tại số D8-15 đường I, khu phố 4, phường L, thành phố G phát hiện bị mất tiền để trong túi xách cất giữ trong phòng ngủ tại nhà; qua quan sát camera ghi lại tại nhà bà N phát hiện được người giúp việc nhà tên Trần Thị Ngọc D- sinh năm 1982, cư trú tại số 18/6 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà, nên ngày 14/01/2019 bà N đã đến Công an phường L trình báo về việc mất trộm tài sản. *(Bút lục số 15)*

Công an phường L đã mời Trần Thị Ngọc D lên làm rõ vụ việc, tại Công an phường D khai nhận do cần tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà N. Do biết bà N thường hay cất tiền trong các túi xách treo trong phòng ngủ, nên khoảng 07 giờ ngày 02/01/2019, lợi dụng lúc không có ai, D liền đi vào phòng ngủ của bà N để tìm tài sản lấy trộm, khi quan sát thấy túi xách của bà N treo trong phòng thì D đến mở túi xách lục tìm tài sản lấy trộm, khi mở túi xách màu da bò của bà N ra D phát hiện bên trong có 02 cọc tiền Việt Nam, loại tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng (không rõ bao nhiêu), Di liền rút ra 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 2.500.000 đồng và bỏ vào túi quần cất giấu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D tiếp tục vào phòng của bà N lục tìm trong túi xách màu da bò của bà N mà lúc sáng D đã lấy trộm tiền, D tiếp tục rút ra 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000 đồng cất giấu. Bằng phương thức, thủ đoạn như trên, từ ngày 02/01/2019 đến ngày 11/01/2019, bị cáo D đã lấy trộm nhiều lần trong 02 cọc tiền để trong túi xách màu da bò của bà N, mỗi ngày D lấy trộm lần ít nhất là 1.000.000 đồng, nhiều nhất là 5.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo D lấy trộm của bà N trong thời gian này là 30.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo D còn thừa nhận từ giữa tháng 12/2018 đến ngày 31/12/2018 đã nhiều lần vào phòng của bà N lấy trộm tiền để trong tủ và trong túi xách, tổng số tiền D lấy trộm được trong thời gian này là 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo đã lấy trộm được của bà N là 32.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. *(Bút lục số 25, 26, 47, 48, 49, 50).*

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà N, biết bà N đã phát hiện bị mất tiền nên bị cáo D không dám đi đến nhà bà N làm việc nữa mà nhờ ông Tạ Hiếu T (là người chung sống như vợ chồng với bị cáo D) đến nhà bà N thừa nhận việc trộm cắp tài sản và mong bà N bỏ qua sự việc trộm cắp nêu trên; đến ngày 14/01/2019 khi ông T đến nhà bà N xin bà N bỏ qua sự việc D trộm cắp tiền của bà N thì bà N trình báo Công an. *(Bút lục số 53, 54, 55, 56, 67, 68, 69, 70)*

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

*** Vật chứng thu giữ:** Thu giữ 01 đoạn Camera ghi hình Trần Thị Ngọc D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Cao Thị N (do bà N giao nộp), được chứa trong 01 đĩa CD đã được niêm phong, kèm theo hồ sơ vụ án *(Bút lục số 31, 32).*

*** Phần dân sự:** Người bị hại bà Cao Thị N yêu cầu bị cáo Trần Thị Ngọc D phải bồi thường số tiền đã trộm cắp của bà N là 32.000.000 đồng; bị cáo D đồng ý bồi thường số tiền trên nhưng chưa có tiền bồi thường. *(Bút lục số 33)*

*** Bản cáo trạng số**: 82/CT-VKS ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc D về

tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa**:

- Bị cáo Trần Thị Ngọc D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Bị hại Cao Thị N có đơn xin vắng mặt; về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo bà N yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật; về trách nhiệm dân sự bà N yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà số tiền 32.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị xử phạt bị cáo D từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: 01 đoạn Camera ghi hình Trần Thị Ngọc D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Cao Thị N, được chứa trong 01 đĩa CD đã được niêm phong, lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Cao Thị N số tiền 32.000.000 đồng.

*** Lời nói sau cùng của bị cáo D:** Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhận thức hành vi của mình là sai trái, cảm thấy ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Ngọc D đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bà Cao Thị N. Xét lời khai nhận của bị cáo đúng theo nội dung kết luận điều tra, nội dung bản cáo trạng; đồng thời phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Trần Thị Ngọc D là người giúp việc nhà cho bà Cao Thị N tại số D8- 15 đường I, khu phố 4, phường L, thành phố G. Quá trình giúp việc nhà quan sát biết được bà N thường hay cất tiền trong phòng ngủ nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm

cắp tiền của bà N để tiêu xài cá nhân. Cụ thể vào khoảng 07 giờ ngày 02/01/2019, lợi dụng lúc không có ai, bị cáo đã lén lút vào phòng của bà N lục tìm trong túi xách và lấy trộm được 05 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (tổng cộng là 2.500.000 đồng); đến khoảng 17 giờ cùng ngày bị cáo tiếp tục vào phòng của bà N lấy trộm trong túi xách được 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (tổng cộng là 1.500.000 đồng); sau đó bị cáo còn nhiều lần lấy trộm tiền của bà N, tính từ ngày 02/01/2019 đến ngày 11/01/2019 bị cáo đã trộm được của bà N tổng số tiền 30.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo còn thừa nhận từ giữa tháng 12/2018 đến ngày 31/12/2018 bị cáo đã nhiều lần vào phòng bà N lấy trộm tiền trong tủ và trong túi xách được tổng cộng 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo đã nhiều lần trộm cắp được của bà N là 32.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội Trộm cắp tài sản quy định *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng…., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*. Xét hành vi của bị cáo Trần Thị Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điều luật đã viện dẫn nêu trên; do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy bị cáo D là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật; tuy nhiên vì lòng tham, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo đã lợi dụng lòng tin cùng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của người bị hại, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Cao Thị N nhiều lần với tổng số tiền chiếm đoạt được là 32.000.000 đồng. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó của mình; bị cáo là người có nhân thân tốt, thể hiện việc chưa có tiền án, tiền sự; mặt khác bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng cho bị cáo các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình.

[6] Xét trình bày của bị cáo tại phiên tòa xin được hưởng án treo là không có cơ sở xem xét; bởi lẽ bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp không cho hưởng án treo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với

việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D hình phạt tù có thời hạn, giam giữ bị cáo trong một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo, qua đó đảm bảo được tính phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 (Một) đĩa CD chứa đoạn Camera ghi hình bị cáo Trần Thị Ngọc D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Cao Thị N, đã niêm phong, được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận yêu cầu của người bị hại Cao Thị N, buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà N số tiền 32.000.000 đồng *(Ba mươi hai triệu đồng).*

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* và án phí dân sự sơ thẩm là: (32.000.000 đồng x 5%) = 1.600.000 đồng *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D **06 (Sáu) tháng tù**; thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Cao Thị N số tiền 32.000.000 đồng *(Ba mươi hai triệu đồng).*

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 107 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD chứa đoạn Camera ghi hình bị cáo Trần Thị Ngọc D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Cao Thị N, đã được niêm phong.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 1.600.000 đồng *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)* án phí dân

sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2019); bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Quốc Tiến	**Chung Kim Sang**	**Huỳnh Kim Yến**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Công an Tp. Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến